gửi Thy

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẦN GIỜ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 3633 /UBND<br>V/v cung cấp thông tin, tài liệu để lập kế hoạch kiểm toán của kiểm toán nhà nước khu vực IV | *Cần Giờ, ngày 06 tháng 06 năm 2023* |

**KHẨN**

Kính gửi:
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện;
- Các cơ quan, đơn vị khối ngành dọc;
- Các tổ chức Hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí;
- Phòng Quản lý đô thị;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Công văn số 10/ĐKS-TP.HCM ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV về cung cấp thông tin, tài liệu để lập KHKT của KTNN khu vực IV;

Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

**1.** Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch tiếp tục chủ động triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến việc cung cấp thông tin, tài liệu để lập kế hoạch kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV;

**2.** Giao Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, đơn vị dự toán thuộc huyện:

- Rà soát và thực hiện báo cáo quyết toán ngân sách niên độ ngân sách 2022 đúng quy định về biểu mẫu và thời gian quy định; Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo quyết toán.

- Nghiêm túc phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch trong việc thực hiện các báo cáo quyết toán tài chính, quyết toán ngân sách, các báo cáo liên quan đến tài liệu kiểm toán; thực hiện nghiêm túc thu chi ngân sách phải đảm bảo đúng dự toán được giao, đúng nội dung chi, chế độ chính sách đúng quy định pháp luật;

- Thực hiện nội dung cung cấp thông tin, tài liệu để lập kế hoạch kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV, đề nghị các đơn vị thực hiện báo cáo

các phụ lục tại Công văn số 10/ĐKS-TP.HCM ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV, cụ thể:

+ Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: phụ lục số 07a, 07b, 07d, 07e.

+ Các đơn vị khối ngành dọc (Tòa án nhân dân huyện, Viện Kiểm sát nhân dân huyện, Kho bạc Nhà nước Cần Giờ, Chi cục Thuế Cần Giờ, Bảo hiểm xã hội huyện, Chi Cục thi hành án dân sự huyện ...), các Hội được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động: Phụ lục số 07c.

+ Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: phụ lục 07e, 15, 16, 17, 14.

+ Phòng Nội vụ: phụ lục số 14.

Thời gian các đơn vị gửi thông tin báo cáo về Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp **trước ngày 10 tháng 6 năm 2023.**

**3.** Các cơ quan, đơn vị cần chủ động, nghiêm túc, khẩn trương chuẩn bị nội dung, thuyết minh, giải trình các nội dung theo đề nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV; thường xuyên trao đổi, phối hợp và báo cáo về các cơ quan đầu mối để được hướng dẫn, hỗ trợ hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân huyện xem xét, có ý kiến chỉ đạo kịp thời./.

*(Đính kèm Công văn số 10/ĐKS-TP.HCM ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV về cung cấp thông tin, tài liệu để lập KHKT của KTNN khu vực IV).*

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Thường trực HĐND huyện;
- Thường trực UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- VP: CVP;
- Lưu: VT, TCKH-Chi, Thg.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hồng**

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC IV
**ĐOÀN KHẢO SÁT THEO QĐ SỐ 61/QĐ-KVIV**

Số: 10 /ĐKS-TP.HCM
V/v cung cấp thông tin, tài liệu để lập KHKT của KTNN khu vực IV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 5 năm 2023*

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
ĐẾN Số:.....
Ngày: 02/6/2023
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

Kính gửi: Các Phòng Tài chính Kế hoạch quận, huyện
(theo danh sách đính kèm)

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-KTNN ngày 02/12/2022 của Tổng kiểm toán nhà nước (KTNN) về việc giao nhiệm vụ về hoạt động kiểm toán năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc KTNN.

Thực hiện Quyết định số 61/QĐ-KV IV ngày 25/5/2023 của KTNN khu vực IV thành lập Đoàn khảo sát để thu thập thông tin lập Kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Để có thông tin cho việc lập Kế hoạch kiểm toán cuộc kiểm toán, Đoàn khảo sát đề nghị lãnh đạo phòng Tài chính Kế hoạch quận, huyện chuẩn bị các thông tin, tài liệu (theo nội dung đính kèm) và gửi về KTNN khu vực IV theo địa chỉ: Phòng ngân sách 1 - KTNN khu vực IV, số 49 đường Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời gửi file mềm vào email: xuanbtd@sav.gov.vn trước ngày 15/6/2023. Trường hợp cần trao đổi, xin vui lòng liên hệ: Bà Bùi Thị Đông Xuân, điện thoại 0913 612 056.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Kiểm toán trưởng;
- Lưu Đoàn khảo sát.

**TRƯỞNG ĐOÀN**

**Phạm Thạch**

DANH SÁCH CÁC PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH QUẬN, HUYỆN CUNG CẤP THÔNG TIN

*(Đính kèm Công văn số /ĐKS-TP.HCM ngày /6/2023)*

1. Phòng Tài chính Kế hoạch quận 1
2. Phòng Tài chính Kế hoạch quận 6
3. Phòng Tài chính Kế hoạch quận 7
4. Phòng Tài chính Kế hoạch quận 8
5. Phòng Tài chính Kế hoạch quận 11
6. Phòng Tài chính Kế hoạch quận 12
7. Phòng Tài chính Kế hoạch quận Phú Nhuận
8. Phòng Tài chính Kế hoạch quận Tân Phú
9. Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Củ Chi
10. Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Cần Giờ
11. Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Bình Chánh

# THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH QUẬN, HUYỆN CUNG CẤP

**1. Thông tin về tình hình chính của đơn vị**

*a) Khái quát về tình hình chi ngân sách:*

- Tổng thu NSNN trên địa bàn: … triệu đồng

- Tổng thu NSĐP: … triệu đồng

- Tổng chi ngân sách địa phương … triệu đồng, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: … triệu đồng;

+ Chi thường xuyên: … triệu đồng;

+ Chi chuyển nguồn: …đồng;

+ Chi bổ sung ngân sách cấp dưới: … triệu đồng.

*b) Tình hình sử dụng các nguồn khác:*

- Kết dư ngân sách năm 2021 chuyển sang: … triệu đồng;

- Nguồn dự phòng ngân sách năm 2022: Bố trí dự toán trong năm … triệu đồng; trong năm sử dụng nguồn dự phòng … triệu đồng.

- Nguồn CCTL: Nguồn 2021 chuyển qua là … triệu đồng; nguồn tăng trong năm 2022 là … triệu đồng, tổng nhu cầu thực hiện trong năm … triệu đồng.

**2. Tình hình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại đơn vị**

*Nêu cụ thể kế hoạch (nếu có) và tình hình thực hiện kế hoạch (đã triển khai hay chưa triển khai) hoạt động thanh tra, kiểm toán trong năm 2023 của các ngành Thanh tra (Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh, Thanh tra huyện, Thanh tra liên ngành), Kiểm toán nhà nước (KTNN chuyên ngành, KTNN khu vực) và Điều tra (nếu có).*

**3. Các phụ lục kèm theo**

- Lập các Phụ lục số 04, 05, 07, 07a, 07b, 07c, 07d, 12, 13, 14, 15, 16, 17.

Phụ lục số 04/KHKT-NSĐP

# CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CỦA ... NĂM 2022

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Phần thu | Tổng số | Thu NS cấp huyện | Thu NS cấp xã | Phần chi | Tổng số | Chi NS cấp huyện | Chi NS cấp xã |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 4 | 3 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Tổng số thu cân đối ngân sách** | | | | **Tổng chi cân đối ngân sách** | | | |
| 1. Các khoản thu NSĐP hưởng 100% | | | | 1. Chi đầu tư phát triển | | | |
| 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % | | | | 2. Chi thường xuyên | | | |
| 3. Thu kết dư năm trước | | | | 3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | | | |
| 4. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang | | | | 4. Chi chuyển nguồn sang năm sau | | | |
| 5. Thu viện trợ | | | | | | | |
| 6. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | | | | | | | |
| Trong đó: | | | | | | | |
| - Bổ sung cân đối ngân sách | | | | | | | |
| - Bổ sung có mục tiêu | | | | | | | |
| Kết dư ngân sách năm quyết toán | | | | | | | |

Phụ lục số 05/KHKT-NSĐP

# TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
## CỦA ...

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Dự toán UBND tỉnh giao 2021 | Ước thực hiện 2021 | Dự toán 2022 huyện lập | Thực hiện năm 2021 | Dự toán năm 2022 | | Thực hiện năm 2022 | So sánh (%) TH 2022 với | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Tỉnh giao | HĐND huyện giao | | Dự toán 2022 | | TH năm 2021 |
| | | | | | | | | | Tỉnh | HĐND | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=7/5 | 9=7/6 | 10=7/4 |
| | **Tổng số** | | | | | | | | | | |
| A | **THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** | | | | | | | | | | |
| I | **Thu nội địa** | | | | | | | | | | |
| 1 | Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý | | | | | | | | | | |
| 2 | Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý | | | | | | | | | | |
| 3 | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | | | | | | | | | | |
| 4 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | | | | | | | | | | |
| 5 | Lệ phí trước bạ | | | | | | | | | | |
| 6 | Thuế thu nhập cá nhân | | | | | | | | | | |
| 7 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | | | | | | | | | | |
| 8 | Thuế thu nhập cá nhân | | | | | | | | | | |
| 9 | Thuế bảo vệ môi trường | | | | | | | | | | |
| 10 | Phí, lệ phí | | | | | | | | | | |
| 11 | Tiền sử dụng đất | | | | | | | | | | |
| 12 | Thu tiền thuê đất, mặt nước | | | | | | | | | | |
| 13 | Thu tiền sử dụng khu vực biển | | | | | | | | | | |
| 14 | Thu từ bán tài sản nhà nước | | | | | | | | | | |
| 15 | Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước | | | | | | | | | | |
| 16 | Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước | | | | | | | | | | |
| 17 | Thu khác ngân sách | | | | | | | | | | |
| 18 | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | | | | | | | | | | |
| 19 | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | | | | | | | | | | |
| 20 | Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế | | | | | | | | | | |
| 21 | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán) | | | | | | | | | | |
| II | **Thu Hải quan** | | | | | | | | | | |
| III | **Thu Viện trợ** | | | | | | | | | | |
| IV | **Các khoản huy động, đóng góp** | | | | | | | | | | |
| 1 | Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng | | | | | | | | | | |
| 2 | Các khoản huy động đóng góp khác | | | | | | | | | | |
| B | **THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG** | | | | | | | | | | |
| 1 | Các khoản thu NSĐP hưởng 100% | | | | | | | | | | |
| 2 | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % | | | | | | | | | | |
| 3 | Thu kết dư năm trước | | | | | | | | | | |
| 4 | Thu chuyển nguồn từ năm trước sang | | | | | | | | | | |

Phụ lục số 07/KHKT-NSĐP

# TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
## CỦA ...

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Dự toán UBND Tỉnh giao 2021 | Ước thực hiện 2021 | Dự toán 2022 huyện lập | Thực hiện năm 2021 | Dự toán năm 2022 | | | Thực hiện năm 2022 | So sánh (%) TH 2022 với | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Tỉnh giao | | HĐND huyện giao | | Dự toán 2022 | | TH năm 2022 |
| | | | | | | Đầu năm | Cuối năm | | | Tỉnh | HĐND | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9=8/6 | 10=8/7 | 11=8/4 |
| A | **CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH** | | | | | | | | | | | |
| I | **Chi đầu tư phát triển** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi đầu tư phát triển khác | | | | | | | | | | | |
| II | **Chi thường xuyên** | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Chi quốc phòng | | | | | | | | | | | |
| 2.2 | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội | | | | | | | | | | | |
| 2.3 | Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề | | | | | | | | | | | |
| 2.4 | Chi Khoa học và công nghệ | | | | | | | | | | | |
| 2.5 | Chi Y tế, dân số và gia đình | | | | | | | | | | | |
| 2.6 | Chi Văn hóa thông tin | | | | | | | | | | | |
| 2.7 | Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn | | | | | | | | | | | |
| 2.8 | Chi Thể dục thể thao | | | | | | | | | | | |
| 2.9 | Chi Bảo vệ môi trường | | | | | | | | | | | |
| 2.10 | Chi các hoạt động kinh tế | | | | | | | | | | | |
| 2.11 | Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | | | | | | | | | | | |
| 2.12 | Chi Bảo đảm xã hội | | | | | | | | | | | |
| 2.13 | Chi khác | | | | | | | | | | | |
| III | **Dự phòng ngân sách** | | | | | | | | | | | |
| IV | **Chi chuyển nguồn** | | | | | | | | | | | |
| B | **CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Bổ sung cân đối | | | | | | | | | | | |
| 2 | Bổ sung có mục tiêu | | | | | | | | | | | |
| | Tr. đó: - Bằng nguồn vốn trong nước | | | | | | | | | | | |
| | - Bằng nguồn vốn ngoài nước | | | | | | | | | | | |
| C | **CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN** | | | | | | | | | | | |

Phụ lục số 07a/KHKT-NSĐP

# TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC NGUỒN: KẾT DƯ, DỰ PHÒNG, TĂNG THU NGÂN SÁCH, THƯỞNG VƯỢT THU, CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG, THU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA ...

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT | Nội dung | Số tiền | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cộng | Thu sử dụng đất | Kết dư 2021 | Dự phòng | Tăng thu | Thưởng vượt thu | Cải cách tiền lương | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 1 | **Nguồn tồn năm trước chuyển sang** | | | | | | | | |
| 2 | **Nguồn tăng trong năm** | | | | | | | | |
| 3 | **Bố trí sử dụng trong năm** | | | | | | | | |
| | - Nội dung chi ... | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| 4 | **Chuyển nguồn sang năm sau** | | | | | | | | |
| | - Nội dung chuyển nguồn | | | | | | | | |
| 5 | **Tồn chưa xử lý chuyển sang năm sau** | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | Lý do chưa xử lý |
| 5 | **Tồn chưa xử lý chuyển sang năm sau** | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |

..., ngày ... tháng ... năm 2023

**Lập biểu**

TRƯỞNG PHÒNG

Phụ lục số 07b/KHKT-NSĐP

THUYẾT MINH THU, CHI CHUYỂN NGUỒN
NĂM 2022 CỦA ...

*Đơn vị tính : đồng*

| Stt | Nội dung | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| I | Cấp huyện | | |
| 1 | Thu chuyển nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 | - | |
| 2 | Chi chuyển nguồn năm 2022 chuyển sang năm 2022 | - | |
| II | Cấp xã | | |
| 1 | Thu chuyển nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 | - | |
| 2 | Chi chuyển nguồn năm 2022 chuyển sang năm 2022 | - | |

..., ngày ... tháng ... năm 2023

Lập biểu

TRƯỞNG PHÒNG

Phụ lục số 07c/KHKT-NSĐP

**CHI TIẾT CHI HỖ TRỢ CÁC ĐƠN VỊ DO CẤP TRÊN QUẢN LÝ, CÁC HỘI, CÁC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**
**CỦA NGÂN SÁCH CẤP ...**

*Đơn vị tính : đồng*

| Stt | Đơn vị, nội dung | Dự toán phân bổ | Số tiền thực chi | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nghiệp vụ | Hoạt động TX | Lễ, tết | Trích phạt | Mua sắm, sửa chữa | |
| 1 | Tòa án | - | - | - | - | - | - | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| 2 | Viện kiểm sát | - | - | - | - | - | - | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

..., ngày ... tháng ... năm 2023

**Lập biểu**

TRƯỞNG PHÒNG

Phụ lục số 07d/KHKT-NSĐP

# CHI TIẾT THU, CHI KHÁC NGÂN SÁCH
# NĂM 2022 CỦA ...

*Đơn vị tính : đồng*

| Stt | Nội dung | Cộng | Ghi chú - Đơn vị |
|---|---|---|---|
| | | | |
| I | **Cấp huyện** | | |
| 1 | **Thu khác ngân sách** | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| 2 | **Chi khác ngân sách** | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| II | **Cấp xã** | | |
| 1 | **Thu khác ngân sách** | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| 2 | **Chi khác ngân sách** | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

..., ngày ... tháng ... năm 2023

Lập biểu

TRƯỞNG PHÒNG

Phụ lục số 07e/KHKT-NSĐP

# CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2022
## CỦA HUYỆN .....

*Đơn vị tính : đồng*

| Stt | Nội dung | Thu bổ sung | | Phân bổ, sử dụng | | Quyết toán | Kinh phí chưa sử dụng | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Dự toán | Thực hiện | Đã giao cho đơn vị | Chưa giao | | Chuyển nguồn | Kinh phí thừa | | |
| | | | | | | | | Đã nộp trả | Chưa nộp trả | |
| I | Chương trình mục tiêu | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| II | Bổ sung có mục tiêu khác | - | - | - | - | - | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

Lập biểu

*..., ngày ... tháng ... năm 2023*
TRƯỞNG PHÒNG

Phụ lục số 12/KHKT-NSĐP

# TÌNH HÌNH TẠM ỨNG VÀ HOÀN TRẢ TẠM ỨNG NGÂN SÁCH TỈNH VÀ CHI TẠM ỨNG NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM 2022 CỦA ...

*Đơn vị tính : đồng*

| Stt | Đơn vị | Tồn năm 2021 chuyển sang | Tạm ứng trong năm | Hoàn trả trong năm | Số dư đến 31/12/2022 | Hoàn trả, thanh toán trong thời gian chỉnh lý | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| I | Tạm ứng ngân sách Tỉnh | | | | | | |
| 1 | Từ ngân sách | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| 2 | Từ các tài khoản, quỹ ngoài ngân sách | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| II | Chi tạm ứng của huyện | | | | | | |
| 1 | Từ ngân sách | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| 2 | Từ các tài khoản, quỹ ngoài ngân sách | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Phụ lục số 13/KHKT-NSĐP

# CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN TIỀN GỬI, CÁC QUỸ NĂM 2022
# DO PHÒNG TÀI CHÍNH QUẢN LÝ

*Đơn vị tính : đồng*

| Số TT | Tên tài khoản | Số hiệu tài khoản | Nơi đăng ký mở tài khoản | Năm 2022 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Đầu kỳ (01/01/2022) | Phát sinh tăng | Phát sinh giảm | Cuối kỳ (31/12/2022) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | Tổng cộng | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

..., ngày ... tháng ... năm 2023

**Lập biểu**

**TRƯỞNG PHÒNG**

Phụ lục số 14/KHKT-NSĐP

# TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HIỆN CÓ TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2022 CỦA ...

| TT | Đơn vị | Năm 2021 | | | | | Năm 2022 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Biên chế công chức | | Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP | | Hợp đồng lao động khác có mặt 31/12/21 | Biên chế công chức | | Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP | | Hợp đồng lao động khác có mặt 31/12/22 |
| | | UBND giao | Thực hiện | UBND giao | Thực hiện | | UBND giao | Có mặt 31/12/20 | UBND giao | Có mặt 31/12/22 | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| | **Tổng cộng** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | Văn phòng HĐND và UBND | | | | | | | | | | |
| 2 | Phòng Nội vụ | | | | | | | | | | |
| 3 | Phòng Tư pháp | | | | | | | | | | |
| 4 | Thanh tra | | | | | | | | | | |
| 5 | Phòng Kinh tế | | | | | | | | | | |
| 6 | Phòng TNMT | | | | | | | | | | |
| 7 | Phòng Y tế | | | | | | | | | | |
| 8 | Phòng TCKH | | | | | | | | | | |
| 9 | Phòng GD-ĐT | | | | | | | | | | |
| 10 | Phòng VHTT | | | | | | | | | | |
| 11 | Phòng LĐTBXH | | | | | | | | | | |
| 12 | Phòng QLĐT | | | | | | | | | | |

Lập biểu

..., ngày ... tháng ... năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

Phụ lục số 15/KHKT-NSĐP

**TÌNH HÌNH THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC GÓI THẦU MUA SẮM, SỬA CHỮA NĂM 2022 CỦA HUYỆN ....**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT | Đơn vị/Nội dung chi (hoặc tên công trình) | Dự toán kinh phí năm 2022 | Quyết toán | | | | | | | | Nhà thầu gói thầu chính | | | Giá trị đã xuất hóa đơn (gói thầu chính) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chi tư vấn | | | | | Chi thực hiện gói thầu chính | Thẩm tra quyết toán | Tổng cộng | Tên nhà thầu | Nhà thầu trên địa bàn (x) | Hình thức lựa chọn nhà thầu | |
| | | | Lập BCKTKT + CP khảo sát + CP thiết kế | Thẩm tra, thẩm định | Công tác đấu thầu | Quản lý dự án | Giám sát, khác | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=4+5+6+7+8+9+10 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |

**Lập bảng**

*....., ngày ..... tháng ..... năm 2023*
TRƯỞNG PHÒNG

Phụ lục số 16/KHKT-NSĐP

# TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CỦA CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN NĂM 2022

| STT | Tên đơn vị | Mã số đơn vị sử dụng NS | Dự toán giao đầu năm | Thực hiện | Đã thanh tra, kiểm tra, kiểm toán | Ghi chú (đã khoán chi; chưa khoán chi ...) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Văn phòng UBND Quận | | | | | |
| 2 | Phòng ... | | | | | |
| 3 | Phòng ... | | | | | |
| | ... | | | | | |

Lập biểu

..., ngày ... tháng ... năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG

Phụ lục số 17/KHKT-NSĐP

# TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2022

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT | Tên đơn vị | Dự toán thu | Thực hiện năm ... | Số phải nộp NSNN | Số được để lại sử dụng | ... | Đã thanh tra, kiểm tra, kiểm toán | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

Lập biểu

..., ngày ... tháng ... năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG